TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày 06-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Xuyên

Ông Phạm Quang Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố H tham gia phiên toà: Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2018/TLST- HS, ngày 27 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

Ngô Quang T, sinh ngày 31 tháng 8 năm 1993, tại H. Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn B và bà Trịnh Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Có 01 tiền án, tại bản án số 07/2016/HSST, ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04 tháng 10 năm 2018 đến ngày 08 tháng 10 năm 2018 chuyển tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1- Anh Bùi Văn H, sinh năm 1966;

Trú tại: Thôn K, xã An T, huyện A, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

2- Chị Vũ Thị Tuyết M, sinh năm 2000;

Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện A, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1- Anh Dương Đức T, sinh năm 1988;

Trú tại: Thôn Câu Hạ A, xã Q, huyện A, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

2- Anh Đặng Văn T, sinh năm 1986;

Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ án thứ nhất:

Tối ngày 30 tháng 7 năm 2018, Đỗ Văn T nhờ Ngô Quang T thuê 01 bộ giàn âm thanh để liên hoan. Sau đó, T đã nhờ Đỗ Văn L thuê của anh Bùi Văn H 01 bộ âm thanh với giá 1.000.000đ (một triệu đồng) trong 01 ngày. Anh H đã chở bộ âm thanh gồm: 01 đôi loa, 01 SUB, 01 lioa, 01 bàn Mier, 03 cục công suất, 01 cục chính âm thanh, 01 đầu Sap, 01 đầu nghe nhạc, 01 bộ Micro đến sân nhà Nguyễn Văn D ở tổ dân phố khu Hoàng Xá, thị trấn A, huyện A, thành phố H cho T. Lúc này, Đỗ Văn T không có nhu cầu thuê âm thanh nữa, nên T đã nẩy sinh ý định chiếm đoạt bộ âm thanh này. T nhờ Bùi Đình Toản dẫn đến quán cầm đồ của Dương Đức T ở thôn Câu Hạ A, xã Q, huyện A, thành phố H để cầm cố bộ âm thanh. T nhờ T thuê xe ô tô của một người đàn ông không quen biết chở bộ âm thanh đến nhà T. Anh T cầm cho T bộ âm thanh với giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), T chi tiêu cá nhân hết số tiền này. Sáng ngày 31 tháng 7 năm 2018 do không thấy bộ âm thanh của mình nên anh H và anh L đã đi tìm, phát hiện bộ âm thanh ở quán cầm đồ của Dương Đức T nên đã đến cơ quan Công an trình báo.

Vụ án thứ hai:

Chiều ngày 03 tháng 10 năm 2018, với mục đích đi chiếm đoạt tài sản, Ngô Quang T thuê xe taxi của anh Phạm Hữu T đến cửa hàng mua bán sửa chữa điện thoại Thuỷ Huệ ở thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố H (do anh Đặng Văn Thuỷ là chủ cửa hàng). Đến nơi, T gặp Vũ Thị Tuyết M là nhân viên bán hàng, T hỏi mua điện thoại di động. M lấy cho T 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu ghi. Sau khi thoả thuận giá tiền T đồng ý mua và bảo chị M lấy phụ kiện điện thoại di động cho T. Lợi dụng thời điểm đó, T cầm điện thoại đi ra xe taxi và bảo Phạm Hữu T lái xe đi về ngã tư Quang Thanh. Chị M chạy ra hô hoán, cùng nhân dân và Công an xã Q bắt quả tang Ngô Quang T trên tay vẫn đang cầm chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus màu ghi.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 11/KL-ĐG ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện A, thành phố H kết luận: Đôi loa 725 model 700, có giá trị là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); đôi Sup onlai model Sub 218, có giá trị 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); 01 Lioa Standat - 10Kwa có giá trị là 2.000.000đ (hai triệu đồng); 01 bàn Mi xer YAMAHA, ký hiệu EMX 3500, có giá trị là 11.000.000đ (mười một triệu đồng); 01 cục công suất ký hiệu CA12, có giá trị là 2.000.000đ (hai triệu đồng); 01 cục công suất ký hiệu MA16, có giá trị là 3.000.000đ (ba triệu đồng); 01 cục công suất ký hiệu Colocation - Pro 36, có giá trị là 4.000.000đ (bốn triệu đồng); 01 cục chỉnh âm thanh DBX 223 xl, có giá trị là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng); 01 đầu Sharp KTV - S4, có giá trị là 8.000.000đ (tám triệu đồng); 01 đầu nghe nhạc Calyfornia MP 128, có giá trị là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng); 01 bộ Micro SHURE UGX8 có giá trị là 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bằng 60.200.000đ (sáu mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 10/KL-ĐG ngày 04 tháng 10 năm 2018 cảu Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện A, thành phố H kết luận: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu ghi trị giá 6.100.000đ (sáu triệu một trăm nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Bản Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Ngô Quang T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Bùi Văn H, chị Vũ Thị Tuyết M, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Đặng Văn T không có yêu cầu bồi thường đối với bị cáo. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Dương Đức T đề nghị bị cáo bồi thường cho anh số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; khoản 1 Điều 174 điểm khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Quang T từ 51 đến 57 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; từ 21 đến 27 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt bị cáo phải chịu hình phạt chung từ 72 đến 84 tháng tù; về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Dương Đức T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người làm chứng, đồng thời phù hợp với tang vật vụ án, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, nên đã đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Ngô Quang T ngày 30 tháng 7 năm 2018 đã thuê anh Bùi Văn H 01 bộ âm thanh loa đài để tổ chức liên hoan, sau khi không sử dụng bộ âm thanh này, T đã đem bộ âm thanh cầm cố được 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), ăn tiêu hết. Giá trị bộ âm thanh theo kết luận định giá bằng 60.200.000đ (sáu mươi triệu hai trăm nghìn đồng). Ngày 03 tháng 10 năm 2018 bị cáo Ngô Văn T với mục đích chiếm đoạt tài sản, bị cáo T giả vờ mua điện thoại, khi được nhân viên cửa hàng điện thoại đưa cho bị cáo chiếc điện thoại Iphone 6S Plus, bị cáo đã cầm điện thoại đi ra xe taxi bảo lái xe chạy đi. Bị cáo bị bắt giữ quả tang cùng tang vật. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphone 6S Plus đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" vi phạm Điều 174 của Bộ luật Hình sự; hành vi thuê bộ âm thanh, sau khi nhận được bộ âm thanh đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và đem cầm cố bộ âm thanh (sử dụng tài sản vào mục đích bất hợp pháp) của bị cáo đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" vi phạm Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Đối hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" của bị cáo, giá trị tài sản chiếm đoạt xác định bằng 60.200.000đ (sáu mươi triệu hai trăm nghìn đồng), nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; đối với hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của bị cáo phạm tội không có tình tiết định khung tăng nặng.

[4] Hành vi của bị cáo Ngô Quang T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, trong một thời gian ngắn bị cáo phạm nhiều tội, có tội phạm là tội nghiêm trọng, có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Nên cần xử phạt cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tính

giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với bị cáo để áp dụng hình phạt tương xứng.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án tại bản án số 07/2016/HSST, ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tiền án tính đến ngày phạm tội (ngày 30 tháng 7 năm 2018) chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tặng tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ Luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự .

[7] Về nhân thân: Bị cáo năm 2012 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, bắt đi cai nghiện bắt buộc, tháng 12 năm 2014 trở về địa phương, tiền sự này đã được xóa, nH cần xác định bị cáo là người có nhân thân xấu.

[8] Bị cáo phạm nhiều tội nên áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174, khoản 5 Điều 175 thì bị Ngô Quang T còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy việc áp dụng các điểm khoản, điều luật, mức hình phạt theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[11] Trong vụ án còn có các đối tượng Đỗ Văn T là người nhờ bị cáo đi thuê bộ âm thanh; Bùi Đình Toản là người gọi điện hỏi anh Dương Đức T cầm cố bộ âm thanh là những người liên quan đến vụ án, nH hiện nay vắng mặt tại địa phương Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A tách ra xác minh xem xét xử lý sau; anh Dương Đức T là người cầm cố bộ thanh, anh T không biết là tài sản do phạm tội mà có, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A không xem xét trách nhiệm hình sư. Hội đồng xét xử không xét..

[12] Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Văn H, chị Vũ Thị Tuyết M, anh Đặng Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường, anh Dương Đức T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) là tiền bị cáo T đã nhận của anh T khi cắm bộ âm thanh. Xét yêu cầu của anh T là chính đáng, phù hợp với các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T.

[13] Về tang vật của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã giải quyết theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xét.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Ngô Quang T 24 (hai bốn) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 54 (năm mươi tư) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt bị cáo Ngô Quang T phải chấp hành hình phạt chung là 78 (bảy mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày tạm giữ (ngày 04 tháng 10 năm 2018).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Ngô Quang T phải bồi thường cho anh Dương Đức T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000đ (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩ vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án anh Dương Đức T có đơn yêu cầu về khoản tiền được thi hành án, nếu bị cáo Ngô Quang T chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. H;
- VKS ND TP. H;
- Phòng PV27, PC81 CA. TP;
- Trại tạm giam Công an TP. H;
- Sở Tư pháp;
- VKS ND huyện A;
- Công an huyện A;
- THA (HS);
- THA (DS);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt